

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**  
**NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2022*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ: .....	4
<b>CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	5
Điều 3. Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông .....	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông .....	6
Điều 5. Thông báo mời họp và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông .....	6
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông. ....	7
Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu.....	8
Điều 9. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	9
Điều 10. Cách thức phân phối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 11. Hiệu lực của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 12. Ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ.....	11
Điều 13. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ .....	12
<b>CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	12
Điều 14. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên.....	12
Điều 15: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị... ..	12
Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	15
Điều 18. Lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	17
Điều 19. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	17
Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:.....	17
Điều 21. Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	17
Điều 22. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 23. Người phụ trách quản trị Công ty .....	18
<b>CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT</b> .....	19
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát. ....	19
Điều 25. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát .....	19
Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát .....	20
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát .....	20
Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	20
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	21
Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	21
Điều 31. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	21
<b>CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	21

Điều 32. Tổng Giám đốc.....	22
<b>CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....</b>	<b>22</b>
Điều 33. Nguyên tắc làm việc.....	22
Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	23
Điều 35. Quy định về hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	26
<b>CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ.....</b>	<b>28</b>
Điều 36. Sửa đổi và bổ sung quy chế.....	28
<b>CHƯƠNG VIII: NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>28</b>
Điều 37. Ngày hiệu lực.....	28

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 202...

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp*

*Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm các nội dung sau:*

### CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ:**

2.1. Chữ viết tắt:

1. “Công ty” là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

2. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.
3. “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.
4. “BKS” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.
5. “TGD” là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

2.2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Web site”: Trang thông tin điện tử của Công ty.
2. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
3. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.
4. “Thành viên HĐQT không điều hành” (Sau đây gọi là thành viên không điều hành) là Thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
5. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
6. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

## CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty họp thường niên mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Ban kiểm soát và cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc phục vụ cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:
  - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
  - b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ;
  - d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ;
  - e. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
  - f. Điều kiện tiến hành;
  - g. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - h. Cách thức bỏ phiếu;
  - i. Cách thức kiểm phiếu;
  - j. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;
  - k. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
  - l. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Theo quy định của Điều 151 luật Doanh nghiệp).
  - m. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
  - n. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp
  - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty và quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
  - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông được công bố trên web site của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Thông báo mời họp và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc.
3. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp,

cách thức tải tài liệu để các cổ đông có thể tiếp cận được.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty và phải nêu rõ: tên cổ đông ủy quyền, tên tổ chức/cá nhân được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, chữ ký, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải được Người được ủy quyền nộp cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc Đại hội.
5. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - Xác định chương trình họp, thời gian, địa điểm tổ chức họp, các tài liệu họp phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty;
  - Gửi văn bản đăng ký với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc tiến hành ĐHĐCĐ;
  - Gửi văn bản đăng ký với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam để chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.
  - Gửi thư mời đến từng cổ đông theo danh sách cổ đông nhận được từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Thư mời phải ghi rõ: địa điểm, giờ bắt đầu, các nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ và các thông tin khác cần chuyển đến cho cổ đông về tổ chức ĐHĐCĐ.
  - Công bố thông tin trên website Công ty.

## **Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và kiểm tra tư cách cổ đông dự họp, việc này phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
2. Cổ đông xác nhận tham dự ĐHĐCĐ là để giúp HĐQT tổ chức chu đáo và hạn chế lãng phí. Cổ đông sẽ xác nhận trước việc tham dự ĐHĐCĐ bằng một trong những hình thức: điện thoại, gửi E-mail, gửi fax, gửi giấy xác nhận dự họp qua đường bưu điện, đăng ký với Phòng Tổ chức hành chính Công ty, hoặc trực tiếp với Thư ký HĐQT ít nhất 04 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ;
3. Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ;
4. Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại

diện;

5. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động (bản sao công chứng, chứng thực), Thư mời và Giấy ủy quyền được lập theo Mẫu của Công ty.

### **Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì các cuộc họp lần sau sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.

### **Điều 8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu.**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội sẽ phát cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp 01 phiếu biểu quyết và 01 phiếu bầu cử (trường hợp ĐHĐCĐ bầu HĐQT và BKS). Trên phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử sẽ ghi: số thứ tự, tên cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết để phục vụ kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Tất cả các cổ đông và người được ủy quyền dự họp được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ.
2. Cách thức biểu quyết:
  - a. Tại Đại hội trực tiếp, việc biểu quyết có thể áp dụng theo hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết trực tiếp.

Việc biểu quyết các nội dung họp được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Đại hội: Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc không có ý kiến.

Việc biểu quyết các nội dung họp được thực hiện theo hình thức biểu quyết trực tiếp tại Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.
  - b. Nguyên tắc bỏ phiếu:
    - Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc của Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu được niêm phong và những cổ đông không tham gia



bỏ phiếu được coi là không có ý kiến.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.
- c. Cách thức kiểm phiếu:
- Việc kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính, áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

### **Điều 9. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và mục a khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Công ty.
3. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Hội đồng quản trị phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
  - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
    - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
    - + Mục đích lấy ý kiến;
    - + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
    - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và các tài liệu kèm theo;
    - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
    - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả

các cổ đông có quyền biểu quyết bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
6. Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
  7. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu, Công ty phải đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết. Trong trường hợp website Công ty không có hoặc không sử dụng được, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được Công ty gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi Đại hội đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
  - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

#### **Điều 11. Hiệu lực của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 12. Ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ**

Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ và thông

qua Nghị quyết tại Đại hội. Việc ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 13. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến;

Công ty công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

## **CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 14. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của Công ty.  
Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Trong đó có quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ theo đúng pháp luật, để Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; dành đủ thời gian để tìm hiểu và nắm rõ tình hình kinh doanh của Công ty.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

**Điều 15: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**  
Công ty phải công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật về công

bố thông tin.

## **Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
  - c. Trường hợp 01 thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
  - d. Cơ cấu thành viên HĐQT: cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
    - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
    - Không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 Công ty khác.
  - c. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố trên website Công ty hoặc dưới hình thức khác tối thiểu 10 ngày hoặc một khoảng thời gian hợp lý trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
  - b. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được

công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - Nơi thường trú;
  - Số CCCD, ngày, tháng, năm và nơi cấp
  - Trình độ chuyên môn;
  - Quá trình công tác;
  - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
  - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên;
  - Các thông tin khác (nếu có).
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, số lượng đề cử cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm và phải gửi về Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc ĐHĐCĐ theo thời gian cụ thể quy định tại Quy chế bầu cử của Công ty.
- d. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- b. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
- c. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi Biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
    - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
    - Có đơn từ chức gửi tới trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
    - Khi có văn bản yêu cầu của tổ chức/pháp nhân cử người đại diện phần vốn đề nghị miễn nhiệm người họ đã cử;
    - Không đủ trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty quy định tại Điều lệ Công ty;
    - Thành viên đó không tham dự các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và xác nhận vị trí của thành viên này bị bỏ trống.
  - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
    - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    - Thành viên đó cung cấp thông tin không trung thực khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
  - c. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - d. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
  - e. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán về công bố thông tin.
6. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc các pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

## **Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:
  - Chịu trách nhiệm liên lạc với các cổ đông;
  - Theo dõi và đôn đốc các hoạt động của Tổng giám đốc;
  - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị có tham khảo ý kiến Tổng giám đốc và Thư ký Công ty;
  - Chuẩn bị chương trình, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT định kỳ hay bất thường, bảo đảm không có thành viên nào chi phối cuộc thảo luận và cuộc thảo luận thu hút sự tham gia của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, tập hợp được nhiều ý kiến khác nhau và nỗ lực để đạt được sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị;
  - Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị dưới những hình thức khác;
  - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
  - Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
  - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.



- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí Công ty.

### **Điều 18. Lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điều 28 Điều lệ Công ty.

### **Điều 19. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp nhất định theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thủ tục, trình tự, thời hạn, hình thức và các điều kiện khác để tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.
3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ mời Ban kiểm soát tham dự. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Tùy theo nội dung cuộc họp Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mở rộng thành phần mời dự họp. Thành viên được mời dự họp có quyền tham gia ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

### **Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

1. Biểu quyết:

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế thành viên Hội đồng quản trị và người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết.

Hội đồng quản trị sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thông qua nghị quyết bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản.

Căn cứ vào kết quả xin ý kiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

Nghị quyết này có giá trị và hiệu lực như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 21. Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Điều 22. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị**

Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo tới Ban Kiểm soát đồng thời và người điều hành Công ty theo cùng phương thức và phải được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

## **Điều 23. Người phụ trách quản trị Công ty**

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị Công ty và kiêm nhiệm các nhiệm vụ Thư ký Công ty và Thư ký Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

1. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Người phụ trách quản trị Công ty:
  - Phải hiểu biết về pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;
  - Không phải là người đang làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
  - Am hiểu hoạt động của Công ty;
  - Phẩm chất đạo đức: có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và Công ty;
  - Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật,
3. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:  
Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp khi có đề xuất của Tổng Giám đốc và đa số (3/5) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.
  - b) Có đơn từ chức. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty và tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty mới để thay thế.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

### **Điều 25. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
  - a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
  - b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần

trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

2. Trường hợp vi phạm quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
3. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả

#### **Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

#### **Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, và khoản 2 Điều 37 Điều lệ và Điều 6 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

#### **Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế hoạt động ban kiểm soát.
2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ và Điều 50 Quy chế này;
  - b) Là đại diện của cổ đông pháp nhân mà cổ đông đó bị mất tư cách pháp nhân;
  - c) Kiểm soát viên đương nhiệm là đại diện của cổ đông và cổ đông đó muốn thay thế đại diện của mình. Trường hợp này, cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới Hội đồng quản trị và ban kiểm soát để xem xét giải quyết theo quy định hiện hành;
  - d) Có đơn từ chức và được chấp thuận; Trường hợp này Kiểm soát viên phải gửi đơn đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ;
  - d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang phải chấp hành hình phạt tù; hoặc bị cơ quan có thẩm quyền tước giấy phép hành nghề do vi phạm pháp luật;

### **Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

### **Điều 31. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty

## **CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 32. Tổng Giám đốc**

1. Tổng giám đốc Công ty là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm hoặc thuê người khác ký Hợp đồng lao động
3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng giám đốc trong trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Tổng giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Nhiệm kỳ Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
7. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.
8. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Điều lệ Công ty.
9. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

### **Điều 33. Nguyên tắc làm việc**

1. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, sự phát triển của Công ty.
2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại theo

tinh thân hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định.

4. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay bằng phương thức gặp mặt trực tiếp, điện thoại, e-mail cho chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc cả 3 người đó để giải quyết công việc được hiệu quả nhất.

#### **Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc**

Chủ tịch HĐQT cùng các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định.

Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay bằng phương thức gặp mặt trực tiếp, điện thoại, e-mail cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc cả 3 người đó để giải quyết công việc được hiệu quả nhất.

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:
  - a. Hội đồng quản trị sẽ mời đại diện Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đại diện Ban kiểm soát có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT.
  - b. Các văn bản thông báo kết quả cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban kiểm soát trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.
  - c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác, nội dung văn bản này phải nêu rõ mục đích cuộc họp và nội dung cần thảo luận. Trường hợp không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.
  - d. HĐQT phải phản hồi ý kiến khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán.
  - e. Các nội dung khác cần có ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
  - f. Ban kiểm soát phải thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty, đồng thời làm việc với HĐQT để trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHCĐ.

- g. Trong các phiên họp của Ban kiểm soát có quyền mời thành viên HĐQT, công ty kiểm toán độc lập tham gia để thảo luận/trả lời các vấn đề liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời họp ít nhất 03 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ thông báo kết quả cuộc họp bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian 03 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.
  - h. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra Ban kiểm soát phải bàn bạc thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào Biên bản và Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.
  - i. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm Điều lệ Công ty hoặc vi phạm pháp luật của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
  - j. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:
- a. Tổng giám đốc Công ty là người điều hành mọi hoạt động của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
  - b. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết. Tổng giám đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
  - c. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi đến Tổng Giám đốc trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.
  - d. HĐQT sẽ thông báo cho Tổng giám đốc công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông để phối hợp và triển khai thực hiện.
  - e. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và các quyết định của HĐQT.



- f. Khi cần thiết HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành khác cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc người điều hành khác có trách nhiệm phải cung cấp/báo cáo ngay. HĐQT không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- g. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến/trình HĐQT bằng văn bản khi có những việc vượt quá thẩm quyền hoặc chưa rõ cách xử lý. Trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, sự cố bất ngờ,...), Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
- h. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHĐCĐ gần nhất.
- i. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.
- j. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT:
- + Chậm nhất vào ngày 31/12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch SXKD chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
  - + Tổng giám đốc phải chuẩn bị các bản dự toán (*dài hạn, hàng năm, hàng quý*) của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính (*bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến*) phải được trình HĐQT thông qua.
  - + Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, BHXH, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động.
  - + Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT các vấn đề sau: các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng đến Công ty, cổ đông và thị trường. Tổng Giám đốc phải báo cáo về việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, kém hiệu quả hoặc thua lỗ. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc thua lỗ liên tục mà không có phương án tích cực để cải thiện thì HĐQT sẽ bãi nhiệm Tổng Giám đốc.
  - + Các nội dung Tổng giám đốc cần xin ý kiến HĐQT phải được gửi

trước ít nhất là 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

+ Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:
  - Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tiếp cận/cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.
  - Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 35. Quy định về hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.**

1. Hàng năm căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo một hoặc một số phương thức sau:
  - a. Tự nhận xét, đánh giá;
  - b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
  - c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Khen thưởng, kỷ luật:
  - a. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - b. Tổng giám đốc điều hành quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
  - c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.
3. Đối với thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ được giao cụ thể, chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
  - b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội

đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để chi thưởng căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.

- c. Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình. Các thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra có thể bị kỷ luật.
  - d. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật, quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
4. Đối với thành viên Ban kiểm soát:
- a. Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ được giao cụ thể, chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
  - b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để chi thưởng cho các thành viên căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.
  - c. Kỷ luật: Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị kỷ luật, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
5. Đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác:
- a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc và người điều hành khác theo định kỳ 06 tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban kiểm soát.
  - b. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc và người điều hành khác theo chính sách đã thiết lập hoặc thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản

lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng giám đốc và người điều hành khác).

- c. Kỷ luật: Tổng giám đốc và người điều hành khác chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

## CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

### Điều 36. Sửa đổi và bổ sung quy chế

- Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty ICIC.

## CHƯƠNG VIII: NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 37. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 8 Chương và 37 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp thông qua, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký xác nhận của Tổng giám đốc Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023*

## MỤC LỤC

Chương I .....	3
<b>QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Chương II.....	4
<b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>4</b>
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	8
Chương III .....	8
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>8</b>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị .....	11
Chương IV .....	12
<b>CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>12</b>
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	13
Chương V.....	14
<b>BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>14</b>
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm .....	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	15
Chương VI .....	16
<b>MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>16</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành .....	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	17
Chương VII.....	17
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>17</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	17

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...*

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.*

*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm các nội dung sau:*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## Chương II

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật, có năng lực giải quyết những vấn đề chiến lược dài hạn của Công ty, sẵn sàng thực hiện quyền hạn trên tinh thần hợp tác.
- c) Có trình độ chuyên môn, năng lực kinh doanh, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hiểu sâu sắc về các nguyên tắc kinh doanh hoặc có nhiều năm công tác trong ngành nghề SXKD của Công ty và đã từng tham gia quản lý doanh nghiệp;
- d) Có thể không phải là cổ đông của Công ty;
- e) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 Công ty khác

#### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt

hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên

Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu

bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế nội bộ về công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị CÔNG ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác (Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh, trưởng các phòng chức năng) do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều

115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực

thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## Chương IV

### CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, e-mail, zalo và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.



7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

#### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm

nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của

doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## Chương VI

### MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành và việc thực

hiện các nghị quyết, quyết định.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2022*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ .....	3
<b>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>4</b>
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát .....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát .....	4
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát .....	5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	6
<b>CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>7</b>
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	7
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	9
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	9
<b>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>10</b>
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	10
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	10
<b>CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</b> .....	<b>10</b>
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm .....	10
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác .....	11
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	11
<b>CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>12</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát .....	12
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành .....	12
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị .....	12
<b>CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	<b>12</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	12

## CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

### Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều lệ Công ty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

h) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.



## CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cân trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

#### **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông

có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ

với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ



sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp;  
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số .../BB-ĐHĐCĐ ngày 06/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo số ..... của Tổng giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
2. Báo cáo số ..... về quản trị và hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo số ..... về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022.
3. Tờ trình số ..... về Kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

\* Kết quả SXKD năm 2022:

- Sản lượng thực hiện: 32,154 tỷ đồng
- Doanh thu: 27,006 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 75,02 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: > 6.000.000 đồng/người/tháng

\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Sản lượng thực hiện: 98 tỷ đồng
- Doanh thu: 65 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 400 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: > 6.500.000 đồng/người/tháng

4. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

5. Tờ trình số.....về quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 là: 192.000.000 đồng; Phương án trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023: giữ nguyên như mức thực hiện của năm 2022, cụ thể sau:

- Chủ tịch HĐQT	x 3.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 36.000.000đ
- 04 thành viên	x 2.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 96.000.000đ
- Trưởng BKS	x 2.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 24.000.000đ
- 02 thành viên BKS	x 1.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 24.000.000đ
- Thư ký Công ty	x 1.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 12.000.000đ
Tổng cộng:			192.000.000đ

6. Tờ trình số..... về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 75.022.846 đồng;

+ Lợi nhuận năm 2022 sẽ giữ lại không chia cổ tức để: Giải quyết các tồn tại cũ của XNXD số 5 và XNXD số 7, tạo nguồn dự phòng, tìm kiếm công việc; Nếu còn sẽ cộng dồn lợi nhuận chia cổ tức vào các năm sau.

7. Tờ trình số..... về việc đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

8. Tờ trình số..... về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

9. Tờ trình số..... về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

10. Tờ trình số..... về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

11. Tờ trình số..... về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

**Điều 2:** Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết này theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

**Điều 3:** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp thông qua với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Trần Gia Hưng**